

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ VỖ
TỈNH BẮC NINH**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST

Ngày 25/11/ 2020

V/v: Chị **Trịnh Thị L** xin ly hôn
anh **Nguyễn Mạnh C**.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VỖ, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Toán; Ông Nguyễn Hữu Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Huy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 05/10/2020 về “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ, ngày 12/11/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị L**, sinh năm: 1989. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Trại Nhì, xã Hồng Kỳ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh C**, sinh năm: 1986. Đề nghị xử vắng mặt.

Địa chỉ: thôn Phả Lại, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trịnh Thị L trình bày:

Tôi và anh C kết hôn ngày 06/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn ở UBND xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh. Cưới xong vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, được 3 năm khi có thai thì tôi về chung sống cùng gia nhà chồng tại thôn Phả Lại, xã Đức Long, còn anh C vẫn ở bên đó. Sau khi tôi sinh con được gần hai năm thì mẹ con tôi chuyển khẩu về quê tôi ở Bắc Giang. Vợ chồng chung sống được khoảng 4 năm, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn (từ lúc tôi có thai). Vợ chồng sống không được hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong sống, cả về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng ly thân từ khi tôi về Việt Nam, thỉnh thoảng vợ chồng chỉ điện thoại cho nhau, nhưng càng nói chuyện thì càng cãi nhau. Sau khi ly thân lúc đầu vợ chồng và gia đình hai bên có nói chuyện hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng do vợ chồng không cải thiện được mâu thuẫn, nên tôi không nhất

trí. Năm 2019 anh C về nước có đón mẹ con tôi về nhà anh C ở, nhưng được khoảng một tháng vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, tôi lại về quê ở. Từ đó vợ chồng không có biện pháp nào để đoàn tụ nữa. Hai bên cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ đó. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nữa, nên tôi giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con tên là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/02/2017, hiện vẫn đang ở với tôi từ khi sinh cháu đến nay. Ly hôn tôi xin được nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, tôi đề anh C tự nguyện, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản, công sức vợ chồng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Theo bị đơn là anh Nguyễn Mạnh C trình bày tại biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải: Tôi và chị L kết hôn ngày 06/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn ở UBND xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh. Sau khi cưới vợ chồng về chung sống cùng gia nhà tôi tại thôn Phả Lại, xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh. Khi đó vợ chồng tôi đang lao động ở bên Đài Loan, xin về phép để cưới. Cưới xong khoảng 15 đến 20 ngày thì vợ chồng lại sang Đài Loan. Đến năm 2016 vợ tôi có thai được 3 tháng thì về Việt Nam, còn tôi vẫn ở bên Đài Loan. Khi vợ tôi về Việt Nam ở cùng gia đình tôi được khoảng 02 tháng thì xin phép lên nhà để ở tại Trại Nhì, Hồng Kỳ, Yên Thế, Bắc Giang sống. Năm 2017 sau khi vợ tôi sinh con xong thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, lúc đó tôi vẫn ở Đài Loan. Vợ chồng thỉnh thoảng nói chuyện trên điện thoại với nhau thường xảy ra cãi vã. Nguyên nhân do nhiều vấn đề, do vợ chồng có quan điểm sống không hợp nhau. Đến tháng 7/2019 thì tôi về Việt Nam, tôi có đón vợ tôi về chung sống được khoảng 2 ngày, thì vợ tôi nói vì công việc nên lại phải lên nhà để ở. Từ đó vợ chồng ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm. Ban đầu tôi có điện thoại nói chuyện hòa giải đề vợ chồng đoàn tụ, nhưng càng nói vợ chồng càng căng thẳng, nên không thể đoàn tụ được. Từ đây hai bên không có biện pháp nào để đoàn tụ nữa. Tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ với nhau được nữa. Nay vợ tôi làm đơn xin ly hôn tôi, tôi nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quế Võ giải quyết cho chúng tôi được ly hôn càng sớm càng tốt.

Về con chung: Vợ chồng có một con tên là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/02/2017, hiện vẫn đang ở với vợ tôi từ trước đến nay. Ly hôn nếu chị L xin nuôi con và không yêu cầu tôi cấp dưỡng nuôi con, để tôi tự nguyện thì tôi nhất trí. Nếu không tôi xin nuôi con và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công sức vợ chồng: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tất cả đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật theo quy định tại các Điều 48, Điều 97, Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án cho

đến trước thời điểm diễn ra phiên tòa đều đúng quy định tại Điều 70, 71, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; 56; 81, 82, 83- Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử: chị **Trịnh Thị L** được ly hôn anh **Nguyễn Mạnh C**; Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/02/2017 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu anh C phải đóng góp. Anh C có quyền thăm nom con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công sức vợ chồng không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh **Nguyễn Mạnh C** có đến làm việc, tham gia các thủ tục tố tụng, nhận quyết định đưa cụ án ra xét xử. Sau đó anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh, vì lý do anh phải đi làm ăn xa không thể về tham gia phiên tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trịnh Thị L** và anh **Nguyễn Mạnh C** kết hôn ngày 06/9/2012 trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật, đăng ký kết hôn ở UBND xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Năm 2016 sau khi chị L có thai thì về Việt Nam chung sống cùng gia nhà chồng tại thôn Phả Lại, xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh. Còn anh C vẫn ở bên Đài Loan. Năm 2017 sau khi chị L sinh con thì chị L chuyển khẩu hai mẹ con về nhà đẻ chị L ở Hồng Kỳ, Yên Thế, Bắc Giang sống. Theo chị L thì vợ chồng chung sống được khoảng 4 năm, đến năm 2016 khi chị L có thai thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống không được hạnh phúc và thường xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau trong sống, cả về tình cảm và kinh tế. Vợ chồng thỉnh thoảng điện thoại cho nhau, nhưng càng nói chuyện thì càng cãi nhau. Đến năm 2019 anh C về nước có đón mẹ con chị L về nhà anh C ở, nhưng theo anh C mẹ con chị L chỉ ở được hai ngày thì chị L lại mang con về quê Bắc Giang ở. Vợ chồng xác định không thể chung sống với nhau được nữa, nên đã ly thân từ đó. Sau khi ly thân lúc đầu vợ chồng và gia đình hai bên có nói chuyện hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng do vợ chồng không cải thiện được mâu thuẫn, nên không đoàn tụ được. Từ đó vợ chồng không có biện pháp nào để đoàn tụ nữa. Hai bên cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ đó. Nay vợ chồng xác định không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được nữa. Nên nhất trí ly hôn.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã lâu, ngày một trầm trọng, vợ chồng

xác định không thể chung sống với nhau được nữa nên đã ly thân từ năm 2017 đến nay cắt đứt mọi quan hệ, hai bên đều xác định không có biện pháp đoàn tụ nào nữa và nhất trí thuận tình ly hôn. Nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị L và anh C là phù hợp pháp luật và thực tế. Nhưng do anh C vắng mặt nên không thể công nhận thuận tình ly hôn, mà phải xử cho chị L được ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con tên là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/02/2017, hiện vẫn đang ở với chị L từ khi sinh đến nay. Ly hôn chị L xin nuôi con. Tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, mà để anh C tự nguyện. Anh C cũng có quan điểm là nếu chị L xin nuôi con, mà không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, để anh tự nguyện thì anh nhất trí. Nên cần chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L là phù hợp pháp luật và thực tế. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, công sức vợ chồng: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Chị **Trịnh Thị L** được ly hôn anh **Nguyễn Mạnh C**.

- Về con chung: Vợ chồng có một con tên là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 25/02/2017 hiện đang ở với chị L. Ly hôn giao con cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết. Anh C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Vợ chồng không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị L đã nộp 300.000 đ tạm ứng án phí tại biên lai số: 02370 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- *Đương sự*
- *VKSND huyện, tỉnh.*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh*
- *THADS huyện Quế Võ.*
- *UBND xã Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh.*
- *Lưu hồ sơ vụ án, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Văn Toán

Nguyễn Hữu Hân

Hoàng Ngọc Sơn